

Bản án số: **66/2025/HSST**
Ngày 12-11-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Na Na
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Bà Nguyễn Thị Xuân Thương
 - + Bà Đoàn Thị Hoa
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12-11-2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2025/QĐST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

LÊ XUÂN T, sinh năm 2006; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân C và bà Lê Thị L, vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 27/3/2021, Lê Xuân T bị Công an Thị xã N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình phạt: Cảnh cáo. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10 tháng 5 năm 2025. Hiện đang giam tại Trại tạm giam số 1- Công an tỉnh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ B phường N, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
5. Bà Đặng Lê Minh H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ C, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
8. Bà Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 02, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
9. Bà Trần Thị Lệ T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Quảng Ngãi.
10. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
11. Bà Trần Thị Lệ H3, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số A hẻm E đường N, tổ D, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.
12. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
13. Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.
14. Ông Võ Thanh T3, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I đường Q, tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.
15. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
16. Bà Phan Thị N2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
17. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu dân cư S, thôn A, xã L, tỉnh Quảng Ngãi.
18. Bà Huỳnh Thị H4, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Ngãi
19. Ông Ngô Tấn H5, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
20. Bà Lâm Thị C2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
21. Bà Lê Thị Mỹ L3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
22. Bà Lê Thị Hồng C3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm K, thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
23. Bà Đặng Thị N3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
24. Ông Phan Phụng N4, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.
25. Ông Lê Thanh T5, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi;
26. Ông Lê Minh T6, sinh năm 1966
27. Ông Đỗ Đình P, sinh năm 1987
Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 03/2025, Lê Xuân T từ tỉnh Thanh Hoá vào tỉnh Quảng Ngãi thuê nhà lưu trú tại phường L, thành phố Q, nay là phường N, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. T lên mạng xã hội Facebook thuê

người tạo F “Cho vay tiền góp” và mua 02 sim điện thoại số 0963.442.781 và 0383.985.298, sau đó T đăng ký tài khoản Zalo số 0963.442.781 với tên “H6” để chạy quảng cáo, đăng thông tin về hoạt động cho vay trên mạng xã hội Facebook. Người có nhu cầu vay tiền thì truy cập vào trang Fanpage nói trên hoặc gọi điện thoại, nhắn tin cho T qua các số điện thoại, tài khoản Zalo số 0963.442.781 tên “H6” để thoả thuận vay tiền.

Quá trình thoả thuận cho vay tiền T tự giới thiệu mình tên là H6 và tính lãi suất cho vay từ 1%/ngày đến 1,24%/ngày, gấp 18 đến 23 lần lãi suất pháp luật quy định là 0,0548%/ngày (tương ứng từ 365%/năm đến 452%/năm); số tiền góp mỗi ngày theo quy ước là 25 ngày/kỳ vay hoặc 21 ngày/kỳ vay, T lấy tiền lệ phí cho vay bằng tiền phí góp 1 ngày của gói vay. Nếu người vay có nhu cầu đáo hạn thì liên hệ T vay gói mới để trả nợ gói vay cũ và tiếp tục trả nợ gói vay mới.

Quá trình cho vay, T sử dụng tài khoản ngân hàng S số 050158416503 tên Lê Xuân T để chuyển tiền vay và nhận tiền góp hằng ngày; cũng có trường hợp T đến gặp trực tiếp người vay để đưa tiền vay và nhận tiền trả góp. Trong trường hợp tài khoản ngân hàng của T không đủ tiền cho vay, T nhờ bạn mình là Lê Văn C4 (Sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa) sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 26979797997 tên Lê Văn C4 để chuyển tiền vay và nhận tiền góp giúp T.

Với thủ đoạn như trên, từ đầu tháng 03/2025 đến ngày 08/05/2025, Lê Xuân T đã cho 24 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 640.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc T đã thu của người vay là 505.035.238 đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu của người vay là 125.864.762 đồng (trong đó tiền phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 6.614.236 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 119.250.526 đồng). Ngoài ra, T còn thu tiền phí cho vay 33.350.000 đồng. Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính Lê Xuân T thu được từ hoạt động cho vay lãi nặng là 152.600.526 đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị K vay 04 lần với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 34.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 465.753 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.034.247 đồng, thu phí vay 2.000.000 đồng. Số tiền gốc bà K còn phải trả là 6.000.000 đồng.

2. Bà Trần Thị Thu H vay 03 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 25.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.300.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 345.205 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.954.795 đồng, thu phí vay 1.500.000. Số tiền gốc bà H còn phải trả là 4.800.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị M vay 03 lần với tổng số tiền vay là 21.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 15.560.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.890.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 213.150 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.676.850 đồng, thu phí vay 1.050.000 đồng. Số tiền gốc bà M còn phải trả là 5.440.000 đồng.

4. Bà Huỳnh Thị Thu H1 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 42.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 504.109 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.695.891 đồng, thu phí vay 2.500.000 đồng. Số tiền gốc bà H1 còn phải trả là 7.500.000 đồng.

5. Bà Đặng Lê Minh H2 vay 03 lần với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 452%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 18.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.766.667 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 210.958 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.555.709 đồng, thu phí vay 1.500.000 đồng. Số tiền gốc bà H2 còn phải trả là 6.666.667 đồng.

6. Bà Huỳnh Thị V vay 04 lần với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 26.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.550.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 358.904 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.191.096 đồng, thu phí vay 1.750.000 đồng, Số tiền gốc bà V còn phải trả là 8.800.000 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị L1 vay 04 lần với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 49.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 679.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.720.548 đồng, thu phí vay 3.000.000 đồng. Số tiền gốc bà L1 còn phải trả là 10.400.000 đồng

8. Bà Phạm Thị Kiều N vay 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 452%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 2.857.143 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 742.857 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 32.877 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 709.980 đồng, thu phí vay 300.000 đồng. Số tiền gốc bà N còn phải trả là 2.142.857 đồng.

9. Bà Trần Thị Lệ T1 vay 01 lần với số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 6.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 82.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.417.808 đồng, thu phí vay 750.000 đồng. Số tiền gốc bà T1 còn phải trả là 9.000.000 đồng.

10. Bà Lê Thị L2 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 59.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 14.950.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 819.176 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 14.130.824 đồng, thu phí vay 3.500.000 đồng. Số tiền gốc bà L2 còn phải trả là 10.200.000 đồng.

11. Bà Trần Thị Lệ H3 vay 03 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 452%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 21.904.762 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.695.238 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 252.054 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.443.184 đồng, thu phí vay 1.800.000 đồng. Số tiền gốc bà H3 còn phải trả là 8.095.238 đồng.

12. Bà Trần Thị N1 vay 04 lần với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 31.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 427.397 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.372.603 đồng, thu phí vay 2.000.000 đồng. Số tiền gốc bà N1 còn phải trả là 8.800.000 đồng.

13. Ông Nguyễn Hoàng T2 vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 453%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 14.285.714 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.714.286 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 164.383 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.549.903 đồng thu phí vay 1.200.000 đồng. Số tiền gốc ông T2 còn phải trả là 5.714.286 đồng.

14. Ông Võ Thanh T3 vay 02 lần với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 8.680.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.170.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 118.904 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.051.096 đồng, thu phí vay 700.000 đồng. Số tiền gốc ông T3 còn phải trả là 5.320.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị T4 vay 01 lần với số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 2.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 700.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 38.356 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 661.644 đồng, thu phí vay 500.000 đồng. Số tiền gốc bà T4 còn phải trả là 7.200.000 đồng.

16. Bà Phan Thị N2 vay 02 lần với số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.890.411 đồng, thu phí vay 500.000 đồng. Số tiền gốc bà N2 còn phải trả là 2.000.000 đồng.

17. Bà Nguyễn Thị C1 vay 02 lần với số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 12.400.000. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.100.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 169.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.930.137

đồng, thu phí vay 1.000.000 đồng. Số tiền gốc bà C1 còn phải trả là 7.600.000 đồng.

18. Bà Huỳnh Thị H4 vay 02 lần với số tiền vay là 20.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 18.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.253.425 đồng, thu phí vay 1.000.000 đồng, Số tiền gốc bà H4 còn phải trả là 2.000.000 đồng.

19. Ông Ngô Tấn H5, vay 01 lần với số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.720.027 đồng, thu phí vay 1.000.000 đồng.

20. Bà Lâm Thị C2, vay 04 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 16.666.667 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.333.333 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 191.780 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.141.553 đồng, thu phí vay 1.200.000 đồng, Số tiền gốc bà C2 còn phải trả là 3.333.333 đồng.

21. Bà Lê Thị Mỹ L3, vay 03 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 22.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 301.369 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.198.631 đồng, thu phí vay 1.500.000 đồng, Số tiền gốc bà L3 còn phải trả là 8.000.000 đồng.

22. Bà Lê Thị Hồng C3, vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (tương đương với 365%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 273.972 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.726.028 đồng, thu phí vay 1.000.000 đồng.

23. Bà Đặng Thị N3, vay 06 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 452%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 24.047.619 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.252.381 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 276.711 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.975.670 đồng, thu phí vay 1.800.000 đồng, Số tiền gốc bà N3 còn phải trả là 5.952.381 đồng.

24. Ông Phan Thượng N5 vay 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng, lãi suất 1,24%/ngày (tương đương với 453%/năm). Số tiền gốc đã trả là 5.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả là 1.300.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 57.534 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.242.466 đồng, thu phí vay 300.000 đồng.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* Số tiền 100.000 đồng; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: xanh trắng, số loại Exciter; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005072 do Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/09/2015; 01 (một) căn cước công dân số

038206024410, họ tên Lê Xuân T, ngày sinh 10/5/2006 và 01 (một) căn cước công dân số 038086001542, họ tên Lê Văn C4, ngày sinh 06/3/1986.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:* Tuyên bị cáo Lê Xuân T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Xuân T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2025.

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tuyên tịch thu, sung quỹ: Số tiền 100.000 đồng. Trả lại 01 căn cước công dân số 038206024410 tên Lê Xuân T cho Lê Xuân T và 01 căn cước công dân số 038086001542, tên Lê Văn C4, ngày sinh 06/03/1986 cho Lê Văn C4. Giao trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q 01 xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: xanh trắng, số loại Exciter và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005072 do Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/09/2015 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q để điều tra xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

* *Về biện pháp tư pháp:* Tổng số tiền gốc bị cáo T đã thu của người vay là 505.035.238 đồng. Đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội. Buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền gốc đã thu 505.035.238 đồng

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 134.964.762 đồng để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà Nguyễn Thị K nộp 6.000.000 đồng, Bà Trần Thị Thu H nộp 4.800.000 đồng, Bà Nguyễn Thị M nộp 5.440.000 đồng, Bà Huỳnh Thị Thu H1 nộp 7.500.000 đồng, Bà Đặng Lê Minh H2 nộp 6.666.667 đồng, Bà Huỳnh Thị V nộp 8.800.000 đồng, Bà Nguyễn Thị L1 nộp 10.400.000 đồng, Bà Phạm Thị Kiều N nộp 2.142.857 đồng, Bà Trần Thị Lệ T1 nộp 9.000.000 đồng, Bà Lê Thị L2 nộp 10.200.000 đồng, Bà Trần Thị Lệ H3 nộp 8.095.238 đồng, Bà Trần Thị N1 nộp 8.800.000 đồng, Ông Nguyễn Hoàng T2 nộp 5.714.286 đồng, Ông Võ Thanh T3 nộp 5.320.000 đồng, Bà Nguyễn Thị T4 nộp 7.200.000 đồng, Bà Phan Thị N2 nộp 2.000.000 đồng, Bà Nguyễn Thị C1 nộp 7.600.000 đồng, Bà Huỳnh Thị H4 nộp 2.000.000 đồng, Bà Lâm Thị C2 nộp 3.333.333 đồng, Bà Lê Thị Mỹ L3 nộp 8.000.000 đồng, Bà Đặng Thị N3 nộp 5.952.381 đồng

- Buộc bị cáo T trả lại số tiền thu lợi bất chính 119.250.526 đồng (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) và 33.350.000 đồng số tiền phí vay không hợp pháp cho những người vay. Tổng cộng 152.600.526 đồng.

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 10.034.247 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Thu H 6.454.795 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 4.726.850 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H1 11.195.891 đồng
- + Trả lại cho bà Đặng Lê Minh H2 6.055.709 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị V 7.841.096 đồng
- + Trả lại cho Bà Nguyễn Thị L1 14.720.548 đồng
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Kiều N 1.009.980 đồng

+ Trả lại cho bà Trần Thị Lệ T1 2.167.808 đồng
+ Trả lại cho bà Lê Thị L2 17.630.824 đồng
+ Trả lại cho bà Trần Thị Lệ H3 7.243.184 đồng
+ Trả lại cho Bà Trần Thị N1 9.372.603 đồng
+ Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T2 4.749.903 đồng
+ Trả lại cho Ông Võ Thanh T3 2.751.096 đồng
+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 1.061.664 đồng
+ Trả lại cho bà Huỳnh Thị N6 2.390.411 đồng
+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 3.930.137 đồng
+ Trả lại cho Bà Huỳnh Thị H4 5.253.425 đồng
+ Trả lại cho Ông Ngô Tấn H5 5.720.027 đồng
+ Trả lại cho bà Bà Lâm Thị C2 5.341.553 đồng
+ Trả lại cho Bà Lê Thị Mỹ L3 26.698.631 đồng
+ Trả lại cho Bà Lê Thị Hồng C3 5.726.028 đồng
+ Trả lại cho Bà Đặng Thị N3 7.778.670 đồng
+ Trả lại cho Ông Phan Thượng N5 1.542.466 đồng
- Buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 6.602.830 đồng (tiền lãi đã thu theo quy định của pháp luật). Vì đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo.

- Quá trình điều tra Lê Xuân T khai nhận quen biết với Lê Văn C4, C4 thường đến phòng trọ của T chơi. Khi cần chuyển tiền cho người vay mà tài khoản ngân hàng của T không đủ tiền thì T nhờ C4 sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 26979797979 tên Lê Văn C4 để chuyển tiền vay giúp, T sẽ đưa lại tiền cho C4. Trường hợp tài khoản ngân hàng của T bị lỗi thì T nhắn số tài khoản ngân hàng của C4 cho người vay để nhận tiền góp và nhờ C4 rút tiền hoặc chuyển khoản lại cho T. T không nói cho C4 biết việc mình làm nghề cho vay lãi nặng. T không trả công và không nhờ C4 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Ngày 04/06/2025, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q có Quyết định uỷ thác điều tra số 3459/QĐ-CSHS, uỷ thác cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành một số hoạt động điều tra liên quan đến Lê Văn C4. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh đối với Lê Văn C4 và xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về giới hạn của việc xét xử: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy còn có một số tình tiết nội dung của vụ án chưa được làm sáng tỏ. Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhằm đảm bảo cho việc xét xử đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi để điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Nhưng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố. Căn cứ quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ngãi tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[3] Việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, vì việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, lời khai của họ đã thể hiện tại hồ sơ vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2025 đến 08/05/2025, bị cáo lê Xuân T thực hiện giao dịch dân sự cho 24 người dân tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với tổng số tiền cho vay là 640.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 125.864.762 đồng (trong đó lãi đúng pháp luật 6.602.830 đồng; lãi vượt mức quy định 119.250.526 đồng, thu tiền phí cho vay là 33.350.000 đồng), tương ứng với mức lãi suất do bị cáo đã thực hiện là 365%/năm đến 452%/năm, vượt quá với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 18 đến 23 lần và bị cáo T đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 152.600.526 đồng.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất như sau:

“ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất... ”.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Xuân T có đủ yếu tố cấu thành tội: « *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về lĩnh vực kinh tế, bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý, vì mục đích thu lợi bất chính.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo có ông nội thúc ông Lê Xuân N7 là liệt sỹ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về nhân thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau vào năm 2021.

Tuy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo có nhân thân chưa tốt, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm khắc, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Tình tiết liên quan trong vụ án: Đối với hành vi của Lê Văn C4, Ngày 04/06/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q có Quyết định uỷ thác điều tra số 3459/QĐ-CSHS, uỷ thác cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành một số hoạt động điều tra liên quan đến Lê Văn C4. Đến nay vẫn chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ điều tra, xác minh và xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung quỹ: Số tiền 100.000 đồng (*Theo Giấy nộp tiền ngày 29/5/2025 giữa Công an tỉnh Q với Kho bạc nhà nước*), vì đây là tài sản có liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại 01 (một) căn cước công dân số 038206024410 tên Lê Xuân T cho Lê Xuân T và 01 (một) căn cước công dân số 038086001542, tên Lê Văn C4, ngày sinh 06/03/1986 cho Lê Văn C4, vì đây là tài liệu không liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: xanh trắng, số loại E: Quá trình điều tra xác minh xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598 đứng tên chủ sở hữu ông Lê Thanh T5. Quá trình điều tra ông T5 khai đã bán xe mô tô cho 01 người không xác định được nhân thân lai lịch và cũng không có giấy tờ mua bán. Bị cáo khai mua xe không có giấy tờ. Do đó, chưa có cơ sở để xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598.

Nên cần giao trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: xanh trắng, số loại Exciter và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005072 do Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/09/2015 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q để điều tra xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/10/2025 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q).

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay là 640.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 505.035.238 đồng. Xét thấy, đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp số tiền 505.035.238 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền 6.602.830 đồng là tiền lãi do bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nhưng khoản tiền này phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp số tiền 6.602.830 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[7.3] Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 134.964.762 đồng để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị K nộp 6.000.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Thu H nộp 4.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M nộp 5.440.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Thu H1 nộp 7.500.000 đồng,
- + Bà Đặng Lê Minh H2 nộp 6.666.667 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị V nộp 8.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị L1 nộp 10.400.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Kiều N nộp 2.142.857 đồng,
- + Bà Trần Thị Lệ T1 nộp 9.000.000 đồng,
- + Bà Lê Thị L2 nộp 10.200.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Lệ H3 nộp 8.095.238 đồng,
- + Bà Trần Thị N1 nộp 8.800.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hoàng T2 nộp 5.714.286 đồng,
- + Ông Võ Thanh T3 nộp 5.320.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T4 nộp 7.200.000 đồng,
- + Bà Phan Thị N2 nộp 2.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị C1 nộp 7.600.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H4 nộp 2.000.000 đồng,
- + Bà Lâm Thị C2 nộp 3.333.333 đồng,
- + Bà Lê Thị Mỹ L3 nộp 8.000.000 đồng,
- + Bà Đặng Thị N3 nộp 5.952.381 đồng.

[7.4] Buộc bị cáo T trả lại số tiền thu lợi bất chính 119.250.526 đồng (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) và 33.350.000 đồng số tiền phí vay không hợp pháp cho những người vay. Tổng cộng 152.600.526 đồng.

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 10.034.247 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Thu H 6.454.795 đồng

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 4.726.850 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H1 11.195.891 đồng
- + Trả lại cho bà Đặng Lê Minh H2 6.055.709 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị V 7.841.096 đồng
- + Trả lại cho Bà Nguyễn Thị L1 14.720.548 đồng
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Kiều N 1.009.980 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Lệ T1 2.167.808 đồng
- + Trả lại cho bà bà Lê Thị L2 17.630.824 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Lệ H3 7.243.184 đồng
- + Trả lại cho Bà Trần Thị N1 9.372.603 đồng
- + Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T2 4.749.903 đồng
- + Trả lại cho Ông Võ Thanh T3 2.751.096 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 1.061.664 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị N6 2.390.411 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 3.930.137 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị H4 5.253.425 đồng
- + Trả lại cho ông Ngô Tấn H5 5.720.027 đồng
- + Trả lại cho bà Bà Lâm Thị C2 5.341.553 đồng
- + Trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L3 26.698.631 đồng
- + Trả lại cho bà Lê Thị Hồng C3 5.726.028 đồng
- + Trả lại cho bà Đặng Thị N3 7.778.670 đồng
- + Trả lại cho ông Phan Thượng N5 1.542.466 đồng

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật B sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân T phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 06 (sáu) tháng 02 (hai) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2025. Thời hạn phạt tù của bị cáo bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Lê Xuân T.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Lê Xuân T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[2.1] *Xử lý vật chứng:*

- Tuyên tịch thu, sung quỹ: Số tiền 100.000 đồng (*Theo Giấy nộp tiền ngày 29/5/2025 giữa Công an tỉnh Q với Kho bạc nhà nước*).

- Tuyên trả lại 01 (một) căn cước công dân số 038206024410 tên Lê Xuân T cho Lê Xuân T và 01 (một) căn cước công dân số 038086001542, tên Lê Văn C4, ngày sinh 06/03/1986 cho Lê Văn C4

- Giao trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 76N1-00598, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: xanh trắng, số loại Exciter và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005072 do Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/09/2015 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q để điều tra xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/10/2025 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi với Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Q).

[2.2] Về biện pháp tư pháp:

- Số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay là 640.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 505.035.238 đồng. Đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp số tiền 505.035.238 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

- Số tiền 6.602.830 đồng là tiền lãi do bị cáo đã thu đúng quy của Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội. Buộc bị cáo phải nộp số tiền 6.602.830 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 134.964.762 đồng để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị K nộp 6.000.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Thu H nộp 4.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M nộp 5.440.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Thu H1 nộp 7.500.000 đồng,
- + Bà Đặng Lê Minh H2 nộp 6.666.667 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị V nộp 8.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị L1 nộp 10.400.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Kiều N nộp 2.142.857 đồng,
- + Bà Trần Thị Lệ T1 nộp 9.000.000 đồng,
- + Bà Lê Thị L2 nộp 10.200.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Lệ H3 nộp 8.095.238 đồng,
- + Bà Trần Thị N1 nộp 8.800.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hoàng T2 nộp 5.714.286 đồng,
- + Ông Võ Thanh T3 nộp 5.320.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T4 nộp 7.200.000 đồng,
- + Bà Phan Thị N2 nộp 2.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị C1 nộp 7.600.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H4 nộp 2.000.000 đồng,
- + Bà Lâm Thị C2 nộp 3.333.333 đồng,
- + Bà Lê Thị Mỹ L3 nộp 8.000.000 đồng.
- + Bà Đặng Thị N3 nộp 5.952.381 đồng

- Buộc bị cáo T trả lại số tiền thu lợi bất chính 119.250.526 đồng (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) và 33.350.000 đồng số tiền phí vay không hợp pháp cho những người vay. Tổng cộng 152.600.526 đồng.

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 10.034.247 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Thu H 6.454.795 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 4.726.850 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H1 11.195.891 đồng
- + Trả lại cho bà Đặng Lê Minh H2 6.055.709 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị V 7.841.096 đồng
- + Trả lại cho Bà Nguyễn Thị L1 14.720.548 đồng
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Kiều N 1.009.980 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Lệ T1 2.167.808 đồng
- + Trả lại cho bà Lê Thị L2 17.630.824 đồng
- + Trả lại cho bà Trần Thị Lệ H3 7.243.184 đồng
- + Trả lại cho Bà Trần Thị N1 9.372.603 đồng
- + Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T2 4.749.903 đồng
- + Trả lại cho Ông Võ Thanh T3 2.751.096 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 1.061.664 đồng
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị N6 2.390.411 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 3.930.137 đồng
- + Trả lại cho Bà Huỳnh Thị H4 5.253.425 đồng
- + Trả lại cho Ông Ngô Tấn H5 5.720.027 đồng
- + Trả lại cho bà Bà Lâm Thị C2 5.341.553 đồng
- + Trả lại cho Bà Lê Thị Mỹ L3 26.698.631 đồng
- + Trả lại cho Bà Lê Thị Hồng C3 5.726.028 đồng
- + Trả lại cho Bà Đặng Thị N3 7.778.670 đồng
- + Trả lại cho Ông Phan Thượng N5 1.542.466 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV1- QN;
- CQCSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 1- CA tỉnh QN;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

Lê Thị Na Na